



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 13

0033  
ÔNG  
NHỆM  
TOÁN V  
TÀI CH  
Y KƯAI

1347.C  
CÔNG TY  
M HUY  
VÀ TỬ  
CHÍNH  
AN - T





Member of Kreston International

### CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính:  
P. 1501, Tầng 15, Tòa nhà 17T-1  
Trung Hoà - Nhân Chính, Hà Nội  
Tel: (84 4) 6 2811 488  
Fax: (84 4) 6 2811 499  
E-mail: acagroup@viettel.vn  
www.acagroup.com.vn

Số 163/BCKT 2010-2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (tiền thân là Công ty Cổ phần Molybden Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 13. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan.



Chu Quang Tùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**  
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International  
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2010

Lương Thị Thúy  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1148/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**

Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân  
Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	100		2.237.042.176	2.803.826.927
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	358.531.138	550.136.020
1. Tiền	111		358.531.138	550.136.020
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		861.426.669	336.117.820
1. Phải thu khách hàng	131		809.426.669	310.701.002
5. Các khoản phải thu khác	135		52.000.000	25.416.818
IV. Hàng tồn kho	140		31.408.587	1.051.782.484
1. Hàng tồn kho	141		31.408.587	1.051.782.484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		985.675.782	865.790.603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		171.125.471	127.253.428
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		814.550.311	738.537.175
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	200		13.734.757.053	11.498.812.846
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.969.691.244	1.079.715.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	1.059.988.345	1.079.715.007
- Nguyên giá	222		1.203.966.413	1.105.419.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.978.068)	(25.704.906)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.909.702.899	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	7	10.765.065.809	10.419.097.839
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		516.240.809	418.597.839
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.248.825.000	10.000.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		15.971.799.229	14.302.639.773

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

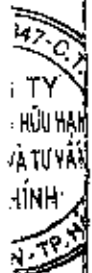
**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>853.917.686</b>	<b>1.632.318.955</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>853.917.686</b>	<b>1.632.318.955</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	500.000.000
2. Phải trả người bán	312		814.623.838	571.820.581
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		39.293.848	-
6. Chi phí phải trả	316		-	8.400.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		-	552.098.374
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>15.117.881.543</b>	<b>12.670.320.818</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>8</b>	<b>15.117.881.543</b>	<b>12.670.320.818</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	13.000.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		117.881.543	(329.679.182)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+ 400)	<b>440</b>		<b>15.971.799.229</b>	<b>14.302.639.773</b>



Trần Văn Tặng  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2010

*Ngô Văn Hiến*  
 Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	9	6.659.155.087	554.444.055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.659.155.087	554.444.055
4. Giá vốn hàng bán	11	10	5.549.751.764	542.924.363
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.109.403.323	11.519.692
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.498.044	18.510.060
7. Chi phí tài chính	22		-	50.410.500
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		618.896.868	309.448.434
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		496.004.499	(329.829.182)
11. Thu nhập khác	31	11	361.048.290	150.000
12. Chi phí khác	32	11	370.198.216	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	11	(9.149.926)	150.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		486.854.573	(329.679.182)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	12	39.293.848	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		447.560.725	(329.679.182)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-



Trần Văn Tặng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2010

Ngô Văn Hiến  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		486.854.573	(329.679.182)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		118.273.162	25.704.906
- Chi phí lãi vay	06		-	50.410.500
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		605.127.735	(253.563.776)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.847.102.451)	(1.201.908.423)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.020.373.897	(1.051.782.484)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		814.623.838	1.062.898.395
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(97.642.970)	(418.597.839)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(178.735.532)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		316.644.517	(11.862.954.127)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.008.249.399)	(1.105.419.913)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	18.510.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.008.249.399)	(1.086.909.853)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.000.000.000	13.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	5.001.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(500.000.000)	(4.501.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.500.000.000	13.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(191.604.882)	550.136.020
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		550.136.020	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		358.531.138	550.136.020



Trần Văn Tăng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2010

Ngô Văn Hiến  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân  
Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÀU SỐ B 09-DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Molybden Việt Nam, là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015125 ngày 20 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn Điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 12 năm 2007 tăng vốn Điều lệ lên 50.000.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 8 tháng 7 năm 2010, đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc và tăng vốn Điều lệ lên 268.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc đặt tại: Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim;
- Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim;
- Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim;
- Xây dựng Công trình giao thông;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ôtô theo hợp đồng;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn sắt thép;
- Bán buôn quặng kim loại;
- Bán buôn kim loại khác;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Bán buôn xi măng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Tái chế phế liệu kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

03347

 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 ĐẦU TƯ  
 KHOÁNG SẢN  
 TÂY BẮC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**

Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân  
Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN**

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".



18/10/2009/111

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOẢNG SÀN TÂY BẮC**Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân  
Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" và Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

**4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

**4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

**4.7 Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản trả trước dài hạn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời hạn không quá 2 năm.

11  
33  
G  
M  
V  
C  
M



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**

Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân  
Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4.8 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.9 Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**4.10 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CHỖ  
CÓ  
RÁCH  
KIỂM TRA  
TỔ  
QUẢN LÝ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**

Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân  
Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền mặt	358.531.138	274.190.222
Tiền gửi Ngân hàng	-	275.945.798
<b>Cộng</b>	<b>358.531.138</b>	<b>550.136.020</b>

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 31/12/2007	-	105.419.913	1.000.000.000	1.105.419.913
Tăng trong năm	36.546.500	151.452.380	-	187.998.880
Mua trong năm	36.546.500	151.452.380	-	187.998.880
Giảm trong năm	-	89.452.380	-	89.452.380
Thanh lý, nhượng bán	-	89.452.380	-	89.452.380
Số dư tại 31/12/2008	<u>36.546.500</u>	<u>167.419.913</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.203.966.413</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 31/12/2007	-	4.871.572	20.833.334	25.704.906
Tăng trong năm	2.537.950	21.985.209	93.750.003	118.273.162
Khấu hao trong năm	2.537.950	21.985.209	93.750.003	118.273.162
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	<u>2.537.950</u>	<u>26.856.781</u>	<u>114.583.337</u>	<u>143.978.068</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 31/12/2007	-	100.548.341	979.166.666	1.079.715.007
Tại 31/12/2008	<u>34.008.550</u>	<u>140.563.132</u>	<u>885.416.663</u>	<u>1.059.988.345</u>

**7. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Chi phí trả trước dài hạn	516.240.809	418.597.839
Tài sản dài hạn khác	10.248.825.000	10.000.500.000
Bao gồm - Kỳ quỹ môi trường tại UBND Tỉnh Sơn La	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tài sản dài hạn khác	248.825.000	500.000
<b>Cộng</b>	<b>10.765.065.809</b>	<b>10.419.097.839</b>

033-  
 VG  
 TIỀN K  
 VÀ  
 CHỈ  
 AN-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân  
Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 31/12/2007	13.000.000.000	(329.679.182)	12.670.320.818
Tăng trong năm	2.000.000.000	447.560.725	2.447.560.725
Tăng vốn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Lãi	-	447.560.725	447.560.725
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	<u>15.000.000.000</u>	<u>117.881.543</u>	<u>15.117.881.543</u>

**9. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng	6.659.155.087	554.444.055
Cộng	<u>6.659.155.087</u>	<u>554.444.055</u>

**10. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	5.549.751.764	542.924.363
Cộng	<u>5.549.751.764</u>	<u>542.924.363</u>

**11. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	361.048.290	150.000
Cộng	<u>361.048.290</u>	<u>150.000</u>
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	89.452.380	
Chi phí khác	280.745.836	
Cộng	<u>370.198.216</u>	
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>(9.149.926)</u>	<u>150.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**Số 738 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân  
Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

	Năm 2008 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	486.854.573
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	329.679.182
Trừ: lỗ năm 2007 chuyển sang	329.679.182
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.840.220
Thu nhập chịu thuế	140.335.171
Thuế suất	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.293.848

**12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

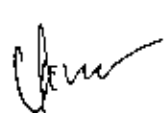
Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 8 tháng 7 năm 2010, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc và tăng vốn Điều lệ lên 268.000.000.000 đồng.

**13. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính. Một số số liệu đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của Báo cáo này.



Trần Văn Tạng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2010

  
Ngô Văn Hiến  
Kế toán trưởng